

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ TNDKSP: 49/2025/ĐKSP

**SẢN PHẨM DINH DƯỠNG
CÔNG THỨC METACARE 2+**

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 49/2025/ĐKSP

Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

- Tên doanh nghiệp: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
- Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12 Khu công nghiệp Thuận Thành 3, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
- Điện thoại: 02466833368
- Email: contact@nutricare.com.vn

Cho sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng công thức Metacare 2+

Do Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare, địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2 Khu công nghiệp Thuận Thành 3, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam sản xuất, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật/quy định/tiêu chuẩn:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- QCVN 11-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare;
- Cổng thông tin điện tử SYT (đăng tải);
- Lưu: VT, ATTP.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Huy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 70/NUTRICARE/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 0104937284-002

Điện thoại: 02466833368.

Fax:

Email: contact@nutricare.com.vn

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:

Ngày Cấp/Nơi cấp:

(Cơ sở đã đạt chứng nhận ISO 22000 - không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng công thức Metacare 2+

2. Thành phần:

Bột sữa, Maltodextrin, Chất béo thực vật, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Các Khoáng chất (Tricanxi phosphat, Canxi carbonat, Natri selenit, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Đồng sulfat, Mangan sulfat, Kali iodid) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Phylloquinon, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Canxi-D-pantothenat, Axit folic, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, D-Biotin, Riboflavin, Thiamin mononitrat, Vitamin K2 (MK7)), Đạm sữa, Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương sữa, hương kem), DHA, Cholin, Sữa Non (100 mg/100 g), Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis* Plasma).

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe): Sản phẩm không phải là thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 850 g. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 11-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 11 năm 2025
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Công Quý

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Số: 70/NUTRICARE/2025

Tên tổ chức, cá nhân: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 0104937284-002

Điện thoại: 02466833368.

Fax:

Email: contact@nutricare.com.vn

1. Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng công thức Metacare 2+

2. Thành phần cấu tạo

Bột sữa, Maltodextrin, Chất béo thực vật, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Các Khoáng chất (Tricanxi phosphat, Canxi carbonat, Natri selenit, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Đồng sulfat, Mangan sulfat, Kali iodid) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Phylloquinon, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Canxi-D-pantothenat, Axit folic, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, D-Biotin, Riboflavin, Thiamin mononitrat, Vitamin K2 (MK7)), Đạm sữa, Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương sữa, hương kem), DHA, Cholin, Sữa Non (100 mg/100 g), Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis* Plasma).

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

4.1. Các chỉ tiêu dinh dưỡng theo QCVN 11-3:2012/BYT

Chỉ tiêu	Đơn vị	Quy chuẩn QCVN 11-3:2012/BYT		Trong 100 g sản phẩm theo đơn vị QCVN 11-3:2012/BYT	Trong 100 g sản phẩm	Quy đổi quy chuẩn tương đương cùng đơn vị trong 100g sản phẩm	
		Tối thiểu	Tối đa	Trên 100 ml	Trên 100 g	Tối thiểu	Tối đa
Năng lượng	kcal/100 ml	60	85	84,3	443	315	447

Chỉ tiêu	Đơn vị	Tối thiểu/100 kcal	Tối đa/100 kcal	Trên 100 kcal	Trên 100 g	Tối thiểu/100g	Tối đa/100g
Protein	g	3	5,5	3,84	17,0	13,3	24,4
Chất béo	g	3	6	3,72	16,5	13,3	26,6
Hàm lượng Acid Linolenic (LA)	mg	300	-	307	1360	1329	-
Vitamin A	IU	250	750	323	1431	1108	3323
Vitamin D3	IU	40	120	89,4	396	177	532
Vitamin E	IU	0,7	-	1,85	8,18	3,10	-
Vitamin C	mg	8	-	10,8	48,0	35,4	-
Vitamin B1	µg	40	-	92,6	410	177	-
Vitamin B2	µg	60	-	184	815	266	-
Niacin	µg	250	-	1309	5800	1108	-
Vitamin B6	µg	45	-	181	802	199	-
Acid Folic	µg	4	-	28,2	125	17,7	-
Acid pantothenic	µg	300	-	491	2175	1329	-
Vitamin B12	µg	0,15	-	0,21	0,91	0,66	-
Vitamin K1	µg	4	-	4,20	18,6	17,7	-
Vitamin H (biotin)	µg	1,5	-	1,60	7,10	6,65	-
Natri	mg	20	85	47,6	211	88,6	377
Kali	mg	80	-	98,2	435	354	-
Clorid	mg	55	-	91,4	405	244	-
Calci	mg	90	-	181	802	399	-
Phospho	mg	60	-	113	500	266	-
Tỷ lệ Calci/phospho		1	2	1,60	1,60	1	2
Magie	mg	6	-	7,72	34,2	26,6	-
Sắt	mg	1	2	1,31	5,81	4,43	8,86
Iod	µg	5	-	20,3	90,0	22,2	-
Kẽm	mg	0,5	-	0,72	3,20	2,22	-

4.2 Các chỉ tiêu dinh dưỡng khác

Thành phần	Đơn vị	Tối thiểu trong 100 g bột
Lysin/Lysine	mg	1007
Leucin/Leucine	mg	1160
Isoleucin/Isoleucine	mg	630
Valin/Valine	mg	758
Arginin/Arginine	mg	503

Histidin/ <i>Histidine</i>	mg	312
Phenylalanin/ <i>Phenylalanine</i>	mg	530
Threonin/ <i>Threonine</i>	mg	534
Methionin/ <i>Methionine</i>	mg	272
DHA (<i>Docosahexaenoic acid</i>)	mg	24,0
Carbohydrat/Carbohydrate	g	44,4
Đường tổng số/ <i>Total sugars</i>	g	22,4
Chất xơ hòa tan (FOS/ <i>Inulin</i>)	g	2,40
Cholin/ <i>Choline</i>	mg	48,0
Lợi khuẩn Postbiotic <i>Lactococcus lactis</i> Plasma	tỷ tế bào	12,5
Vitamin/Vitamins		
Vitamin K2 (MK7)	µg	12,8
Khoáng chất/Minerals		
Mangan/ <i>Manganese</i>	µg	364
Đồng/ <i>Copper</i>	µg	117
Selen/ <i>Selenium</i>	µg	16,4

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	10
3	<i>Staphylococci</i> dương tính với <i>coagulase</i>	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogenes</i>	CFU/g	100
5	Nội độc tố của <i>Staphylococcus</i> (<i>Staphylococcal enterotoxin</i>)	CFU/g	KPH

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/l pha chuẩn	0,02
		Tương đương mg/kg	0,105
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05
4	Arsen	mg/kg	0,5
5	Thiếc (Sn) (<i>Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc</i>)	mg/kg	250

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,025
2	Ochratoxin A	µg/kg	0,5
3	Patulin	µg/kg	10
4	Deoxynivalenol	µg/kg	200
5	Zearalenone	µg/kg	20
6	Fumonisin	µg/kg	200

5.4. Hàm lượng Melamin: Phù hợp QCVN 11-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Melamin	mg/kg	2,5

6. Đối tượng sử dụng

Dành cho trẻ từ 2 – 3 tuổi.

7. Công dụng

Bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ.

8. Lượng dùng khuyến nghị

Dùng 2 - 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.

9. Hướng dẫn sử dụng

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.
- 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút.
- 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C.
- 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột).
- 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng.

Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

Lưu ý:

- Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.
- Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành, Cá.
- Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

10. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

11. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

12. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh 850 g. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn)

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

13. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000** & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường **ISO 14001**.

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Kí tên, đóng dấu)



[Handwritten signature]
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hương Công Oxy

Nhấn nét

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/AVERAGE NUTRITIONAL VALUES

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100 g bột Per 100 g powder	Trong 1 ly pha chuẩn Per serving (210ml)
Năng lượng/Energy	kcal	443	177
Chất đạm/Protein	g	17,0	6,90
Lysin/Lysine	mg	1259	504
Leucin/Leucine	mg	1450	580
Isoleucin/Isoleucine	mg	787	315
Valin/Valine	mg	948	379
Arginin/Arginine	mg	629	252
Histidin/Histidine	mg	390	156
Phenylalanin/Phenylalanine	mg	562	225
Threonin/Threonine	mg	667	267
Methionin/Methionine	mg	340	136
Chất béo/Lipid	g	16,5	6,60
LA (Linoleic acid)	mg	1360	544
DHA (Docosahexaenoic acid)	mg	30,0	12,0
Carbohydrat/Carbohydrate	g	55,5	22,2
Đường tổng số/Total sugars	g	28,0	11,2
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	3,00	1,20
Prebiotics (FOS/Inulin)			
Cholin/Choline	mg	60,0	24,0
Lợi khuẩn Probiotic/Lactococcus lactis Plasma	tế bào	15,65 tỷ	6,26 tỷ
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1431	572
Vitamin D3	IU	396	158
Vitamin E	IU	8,18	3,27
Vitamin K2	µg	18,6	7,44
Vitamin K2 (MK7)	µg	16,0	6,40
Vitamin C	mg	48,0	19,2
Vitamin B1	µg	410	164
Vitamin B2	µg	815	326
Niacin	µg	5800	2320
Asit pantothenic/Pantothenic acid	µg	2175	870
Vitamin B6	µg	802	321
Asit folic/Folic acid	µg	125	50,0
Vitamin B12	µg	0,91	0,36
Biotin	µg	7,10	2,84
Khối chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	211	84,4
Kali/Potassium	mg	435	174
Clor/Chloride	mg	405	162
Canxi/Calcium	mg	802	321
Phốt pho/Phosphorus	mg	500	200
Magiê/Magnesium	mg	34,2	13,7
Sắt/Iron	mg	5,81	2,32
Kẽm/Zinc	mg	3,20	1,28
Mangan/Manganese	µg	455	182
Đồng/Copper	µg	146	58,4
I-đốt/Iodine	µg	90,0	36,0
Seleni/Selenium	µg	20,5	8,20

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Bột sữa, Maltodextrin, Chất béo thực vật, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Các khoáng chất (Tricaxi phosphat, Canxi carbonat, Natri selenit, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Đồng sulfat, Mangan sulfat, Kali iodid) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Phyloquinon, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Canxi-D-pantothenat, Axít folic, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, D-Biotin, Riboflavin, Thiamin mononitrat, Vitamin K2 (MK7)), Đạm sữa, Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương sữa, hương kem), DHA, Choline, Sữa Non (100 mg/100 g), Postbiotic (Lợi khuẩn Lactococcus lactis Plasma).

Milk powder, Maltodextrin, Vegetable fat, Sucrose, Prebiotics (FOS/Inulin), Soy protein, Minerals (Tricalcium phosphate, Calcium carbonate, Sodium selenite, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Copper sulfate, Manganese sulfate, Potassium iodide) and Vitamins (Sodium-L-ascorbate, DL-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinamide, Phyloquinone, Retinyl acetate, Cholecalciferol, Calcium-D-pantothenate, Folic acid, Cyanocobalamin, Pyridoxine hydrochloride, D-Biotin, Riboflavin, Thiamine mononitrate, Vitamin K2 (MK7)), Milk system concentrate, Synthetic flavor (milk flavour, cream flavour), DHA, Choline, Colostrum (100 mg/100 g), Postbiotic (Lactococcus lactis strain Plasma).

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:

Dành cho trẻ từ 2 - 3 tuổi. /For children from 2 - 3 years old.

CÔNG DỤNG/FEATURE:

Bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ. Supplements Energy, Protein and necessary nutrients for the development of children.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha./Wash your hands with soap and water.
 - 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút./All utensils must be cleaned and boiled for 5 minutes.
 - 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C./Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 50 °C).
 - 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột)./Pour 180 ml of water into the utensils, then add 4 scoops (approximately 40 g of powder).
 - 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng./Stir well until the powder is completely dissolved. Check the heat before feeding.
- Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ./Finish using product reconstituted feeding 1 hour after preparation.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:

Dùng 2 - 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng./Use 2 - 3 servings per day or follow doctor/dietitian's instructions.

BẢO QUẢN/STORAGE:

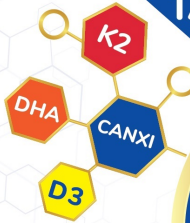
Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.



Sản phẩm được phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ

metaCare

ĐỂ KHÁNG KHỎE TĂNG CÂN, CAO LỚN (2, 3, 4)



Khối lượng tịnh: 850 g
Net wt.: 850 g

Sản phẩm dinh dưỡng công thức
Dành cho trẻ từ 2 - 3 tuổi



SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC METACARE 2+

Sản phẩm được nghiên cứu và phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ bổ sung 15 tỷ Lợi khuẩn^(*), Sữa Non từ Mỹ cùng các dưỡng chất thiết yếu giúp trẻ tăng sức đề kháng, tăng cân, cao lớn.



HỖ TRỢ TRỊ HÓA KHÔ, TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG^(*):

Bổ sung 15 tỷ Lợi khuẩn Postbiotic[®] (L.Lactis Plasma), Sữa Non từ Mỹ hỗ trợ tăng cường hệ miễn dịch tự nhiên. Cùng Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin) hỗ trợ cân bằng hệ vi khuẩn đường ruột, giúp hệ tiêu hóa khỏe mạnh và ngăn ngừa táo bón.



HỖ TRỢ TĂNG CÂN KHỎE MẠNH^(*):

Vitamin nhóm B và Kẽm hỗ trợ tăng cường chuyển hóa năng lượng cùng Đạm hỗ trợ trẻ tăng cân khỏe mạnh, bắt kịp đà tăng trưởng. Bổ sung Lysin giúp trẻ ăn ngon miệng.



HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO^(*):

Đáp ứng 100% nhu cầu Canxi^(*) theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cùng Vitamin K2, D3 hỗ trợ hấp thu Canxi, giúp xương chắc khỏe và hỗ trợ phát triển chiều cao.



GIÚP PHÁT TRIỂN TRÍ NÃO, THỊ GIÁC:

DHA hỗ trợ phát triển não bộ, tăng cường chức năng trí nhớ và khả năng tập trung của trẻ. Vitamin A hỗ trợ bảo vệ thị giác.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa. Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành, Cá. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn. (*) Lượng tế bào Lợi khuẩn Postbiotic tối thiểu trong 3 ly pha chuẩn. (1) Hàm lượng trung bình trong 2 ly pha chuẩn đáp ứng 100% nhu cầu khuyến nghị dinh dưỡng cho trẻ từ 2 - 3 tuổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
 Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
 Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
 Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
 Xuất xứ: Việt Nam. NSX và HSD: Xem trên bao bì.
 Số TNDKSP: SỞ CBSP: 70/NUTRICARE/2025

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXG 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG MIỄN PHÍ: 1800.6011 (9h-19h) MIỄN PHÍ: 028.7300.9888 www.nutricare.com.vn



Tìm hiểu thêm về sản phẩm tại đây



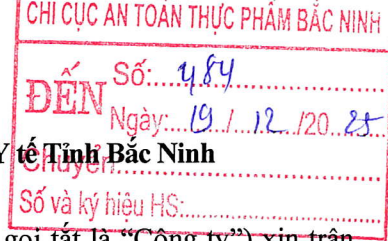
8 9 3 6 1 4 2 1 6 7 2 5 8 1

**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN
DINH DƯỠNG NUTRICARE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 166 /2025/CV-NU
V/v Thông báo cập nhật nhãn sản
phẩm sau công bố

Bắc Ninh, ngày 19 tháng 12 năm 2025



Kính gửi: Chi cục An toàn thực phẩm Bắc Ninh - Sở Y tế Tỉnh Bắc Ninh

Chi nhánh công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare (sau đây gọi tắt là "Công ty") xin trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Chi cục trong suốt quá trình thực hiện công bố sản phẩm tại địa phương trong thời gian qua.

Công ty chúng tôi đã thực hiện thủ tục Đăng ký công bố sản phẩm sau tại Chi cục An toàn thực phẩm Bắc Ninh- Sở Y tế Tỉnh Bắc Ninh:

Tên sản phẩm	Số TNDKSP	Ngày công bố
Sản phẩm dinh dưỡng công thức Metacare 2 +	49/2025/ĐKSP	28/11/2025

Căn cứ Khoản 4, điều 8, Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, Công ty xin phép được thông báo cập nhật mã vạch mới của sản phẩm nêu trên, cụ thể như sau:

Mã vạch cũ	Mã vạch cập nhật
- Đối với nhãn 850 g: 8936142672558	- Đối với nhãn 850 g: 8936142674699

(Nhãn cập nhật chi tiết đính kèm.)

Các nội dung khác trong bản công bố và nhãn sản phẩm không thay đổi so với hồ sơ đã công bố.

Công ty cam kết đảm bảo chất lượng, an toàn và phù hợp quy định hiện hành.

Kính mong Quý Chi cục ghi nhận và lưu hồ sơ theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn!

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Công Quý



GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/AVERAGE NUTRITIONAL VALUES

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong mỗi gói Per 30g packet	Trong mỗi muỗng Per 10g spoon
 Năng lượng/Energy	kJ	413	177
Chất đạm/Protein	g	17,6	6,80
Lysine	mg	1259	504
Leucine	mg	1450	580
Isoleucine/Valine	mg	181	75
Valine	mg	948	379
Arginine	mg	615	252
Histidine	mg	390	156
Phenylalanine/Tyrosine	mg	662	265
Threonine	mg	667	267
Methionine/Cysteine	mg	240	136
Chất béo/Fat	g	16,5	6,60
LA (Linoleic acid)	mg	1360	541
Đường	mg	30,0	12,0
Carbohydrate/Carbohydrate	g	15,5	2,2
Đường tổng số/Total sugars	g	28,0	11,2
Chất xơ/Total fiber	g	3,00	1,20
Prebiotic (FOS/Synbiotic)	mg	60,0	24,0
Choline/Choline	mg	60,0	24,0
15 Lợi khuẩn/Probiotic, Carbonium Ion/Carbonium Ion	10 ¹⁰	15,53 (1)	6,28 (1)
Vitamin			
Vitamin A	IU	1431	572
Vitamin D3	IU	396	158
Vitamin E	IU	8,18	3,27
Vitamin B1	µg	18,6	7,44
Vitamin B2 (Riboflavin)	µg	16,0	6,40
Vitamin C	µg	48,0	19,2
Vitamin B12	µg	416	164
Vitamin B6	µg	815	326
Niacin	µg	5000	2000
Acid panthothenic/Panthenol acid	µg	2175	870
Vitamin B8	µg	402	161
Acid folic/Folic acid	µg	125	50,0
Vitamin B12	µg	8,91	3,56
Biotin	µg	7,18	2,84
Mineral			
Calcium	mg	211	84,4
Iron/Fe	mg	435	174
Calcium	mg	465	182
Calcium citrate	mg	802	321
Phosphorus/Phosphorus	mg	520	208
Magnesium/Magnesium	mg	342	137
Silica/Silica	mg	5,81	2,32
Iron/Zinc	mg	3,20	1,28
Magnesium/Magnesium	mg	455	182
Selenium/Selenium	µg	144	57,6
Selenium	µg	90,0	36,0
Selenium/Selenium	µg	29,5	8,20

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Bột sữa, Maltodextrin, Chất béo thực vật, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Dạng đầu nhão, Các khoáng chất (Inositol phosphat, Canxi carbonat, Natri selenit, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sunfat, Đồng sunfat, Mangan sunfat, Kali iodid) và Các Vitamin (Kaini-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinamid, Phylloquinon, Riboflavin acetat, Cyanocobalamin, Canxi-D-pantothemat, Acid folic, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydrochlorid, D-Biotin, Riboflavin, Vitamin nicotinat, Vitamin B2 (B12)), Đạm sữa, Huang Hieu tổng hợp dùng trong trẻ phẩm (đường sữa, hương kem), DHA, Cholin, Súa Non (100 mg/100 g), Prebiotic (β-D-Galactooligosaccharide Plasma).

Milk powder, Maltodextrin, Vegetable fat, Sucrose, Prebiotic (FOS/Inulin), Soy protein, Mineral (Inositol phosphat, Calcium carbonate, Sodium selenate, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Copper sulfate, Manganese sulfate, Potassium iodide) and Vitamins (Kaini-L-ascorbate, DL-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinamide, Phylloquinone, Riboflavin acetate, Cyanocobalamin, Calcium-D-pantothenate, Folic acid, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydrochloride, D-Biotin, Riboflavin, Nicotinamide, Vitamin B2 (B12)), Milk protein concentrate, DHA, Choline, Lactose (100 mg/100 g), Prebiotic (Lactobacillus lactis strain Plasma).

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:

Dành cho trẻ từ 2 – 3 tuổi./For children from 2 - 3 years old.

CÔNG DỤNG/FEATURE:

Bổ sung Năng lượng, Đạm, cũng các dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ. Supplements Energy, Protein and necessary nutrients for the development of children.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha./Wash your hands with soap and water.
 - 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút./All utensils must be cleaned and boiled for 5 minutes.
 - 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C./Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 50 °C).
 - 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột)/Pour 180 ml of warm water into the vessel, then add 4 scoops (equivalent to 40 g powder).
 - 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Hỗn đồ uống trước khi dùng./Stir well until the powder is completely dissolved. Consume the hot before feeding.
- Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ./Each usage product must be used within 1 hour after preparation.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:

Dùng 2 - 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng./Use 2 - 3 servings per day or follow doctor/dietitian's instructions.

BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opening.

NutriCare

ĐỂ KHÁNG KHỎE TĂNG CÂN, CAO LỚN (2, 3, 4)

metaCare

ĐỂ KHÁNG KHỎE TĂNG CÂN, CAO LỚN (2, 3, 4)

SỮA NON TỪ USA CHẤT XÔ 2+

MNi-USA
Nutricare Medical Nutrition Institute - USA

Sản phẩm được phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC METACARE 2+

Sản phẩm được nghiên cứu và phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ bổ sung 15 tỷ Lợi khuẩn*, Sữa Non từ Mỹ cùng các dưỡng chất thiết yếu giúp trẻ tăng sức đề kháng, tăng cân, cao lớn.

HỖ TRỢ TIÊU HÓA KHỎE, TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG:**

Bổ sung 15 tỷ Lợi khuẩn **Postbiotic® (Lactis Plasma)**. Sữa Non từ Mỹ hỗ trợ tăng cường hệ miễn dịch tự nhiên. Cùng **Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)** hỗ trợ cân bằng hệ vi khuẩn đường ruột, giúp hệ tiêu hóa khỏe mạnh và ngăn ngừa táo bón.

HỖ TRỢ TĂNG CÂN KHỎE MẠNH*:**

Vitamin nhóm B và Kẽm hỗ trợ tăng cường chuyển hóa năng lượng cùng Đạm hỗ trợ trẻ tăng cân khỏe mạnh, bắt kịp đà tăng trưởng. Bổ sung Lysine giúp trẻ ăn ngon miệng.

SỮA NON TỪ USA CHẤT XÔ

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO*:**

Đáp ứng 100% nhu cầu Canxi** theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cùng Vitamin K2, D3 hỗ trợ hấp thu Canxi, giúp xương chắc khỏe và hỗ trợ phát triển chiều cao.

GIÚP PHÁT TRIỂN TRÍ NÃO, THỊ GIÁC**:**

DHA hỗ trợ phát triển não bộ, tăng cường chức năng trí não và khả năng tập trung của trẻ. Vitamin A hỗ trợ bảo vệ thị giác.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác, với màu bột sữa. Không dành cho người nhạy cảm với sữa, Đậu nành, Cá. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn. (*): Lượng tế bào Lợi khuẩn Postbiotic tối thiểu trong 3 ly pha chuẩn. (†) Hàm lượng trung bình trong 2 ly pha chuẩn đáp ứng 100% nhu cầu Khuyến nghị dinh dưỡng cho trẻ từ 2 - 3 tuổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
 VPĐD: Số 9, Khu A-T12 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
 Nhà máy 1: Lô VII-2 và Nhà máy 2: Lô V-11, Lô V-12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
 Nhà máy 1: Lô VII-2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
 Xuất xứ: Việt Nam. NSX và HSD: Xem trên bao bì.
 Số INDKSP: 49/2025/ĐKSP. Số CBSP: 70/NUTRICARE/2025
 Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.

Net wt.: 850 g

Sản phẩm dinh dưỡng công thức
Dành cho trẻ từ 2 – 3 tuổi

Tìm hiểu thêm về sản phẩm tại đây

8 936142 674699

Nhấn nét

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/AVERAGE NUTRITIONAL VALUES			
Thành phần/Components	Đơn vị/Unit	Trong 100 g bột/Per 100 g powder	Trong 1 gói chuẩn/Per serving (21g)
Năng lượng/Energy	kcal	443	977
Chất đạm/Protein	g	17,0	6,80
Lysin/Lysine	mg	1259	504
Leucin/Leucine	mg	1450	580
Isoleucin/Isoleucine	mg	787	315
Valin/Valine	mg	948	379
Arginin/Arginine	mg	629	252
Histidin/Histidine	mg	390	156
Phenylalanin/Phenylalanine	mg	562	265
Threonin/Threonine	mg	667	267
Methionin/Methionine	mg	340	136
Chất béo/Lipid	g	16,5	6,60
LA (Linoleic acid)	mg	1360	544
DHA (Docosahexaenoic acid)	mg	30,0	12,0
Carbohydrat/Carbohydrate	g	55,5	22,2
Đường tổng số/Total sugars	g	28,0	11,2
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	3,00	1,20
Prebiotics (FOS/Inulin)	mg	60,0	24,0
Cholin/Choline	mg	60,0	24,0
Lợi khuẩn Probiotic/Lactococcus lactis Plasma	tế bào/Billion	15,65 tỷ	6,26 tỷ
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1431	572
Vitamin D3	IU	396	158
Vitamin E	IU	8,18	3,27
Vitamin K1	µg	18,6	7,44
Vitamin K2 (MK7)	µg	16,0	6,40
Vitamin C	mg	48,0	19,2
Vitamin B1	µg	410	164
Vitamin B2	µg	815	326
Niacin	µg	5800	2320
Axit pantothenic/Pantothenic acid	µg	2175	870
Vitamin B6	µg	802	321
Axit folic/Folic acid	µg	125	50,0
Vitamin B12	µg	0,91	0,36
Biotin	µg	7,10	2,84
Khối chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	211	84,4
Kali/Potassium	mg	435	174
Clor/Chloride	mg	405	162
Canxi/Calcium	mg	802	321
Phốt pho/Phosphorus	mg	500	200
Magiê/Magnesium	mg	34,2	13,7
Sắt/Iron	mg	5,81	2,32
Kẽm/Zinc	mg	3,20	1,28
Mangan/Manganese	µg	455	182
Đồng/Copper	µg	146	58,4
I-ốt/Iodine	µg	90,0	36,0
Seleni/Selenium	µg	20,5	8,20

- THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:**
Bột sữa, Maltodextrin, Chất béo thực vật, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Các Khoáng chất (Tricaxi phosphat, Canxi carbonat, Natri selenit, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Đồng sulfat, Mangan sulfat, Kali iodid) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Phylloquinon, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Canxi-D-pantothenat, Axit folic, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, D-Biotin, Riboflavin, Thiamin mononitrat, Vitamin K2 (MK7)), Đạm sữa, Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương sữa, hương kem), DHA, Choline, Sữa Non (100 mg/100 g), Postbiotic (Lợi khuẩn Lactococcus lactis Plasma).
- ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:**
Dành cho trẻ từ 2 – 3 tuổi. /For children from 2 – 3 years old.
- CÔNG DỤNG/FEATURE:**
Bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ. /Supplements Energy, Protein and necessary nutrients for the development of children.
- HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:**
- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha. /Wash your hands with soap and water.
 - 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút. /All utensils must be cleaned and boiled for 5 minutes.
 - 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C. /Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 50 °C).
 - 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột). /Pour 180 ml of water into the utensils, then add 4 scoops (approximately 40 g of powder).
 - 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng. /Stir well until the powder is completely dissolved. Check the heat before feeding.
- Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ. /Finish using product reconstituted feeding 1 hour after preparation.
- LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:**
Dùng 2 – 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng. /Use 2 – 3 servings per day or follow doctor/dietitian's instructions.
- BẢO QUẢN/STORAGE:**
Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần. /Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.



NUTRICARE



MNI-USA
Nutricare Medical Nutrition Institute - USA

Sản phẩm được phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ

metaCare


ĐỂ KHÁNG KHỎE TĂNG CÂN, CAO LỚN (2, 3, 4)



SỮA NON TỪ USA CHẤT XỎ 2+



Khối lượng tịnh: **850 g**
Net wt.: **850 g**



MNI-USA
Nutricare Medical Nutrition Institute - USA

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC METACARE 2+

Sản phẩm được nghiên cứu và phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ bổ sung 15 tỷ Lợi khuẩn^(*), Sữa Non từ Mỹ cùng các dưỡng chất thiết yếu giúp trẻ tăng sức đề kháng, tăng cân, cao lớn.

HỖ TRỢ TRỊ HÓA KHÔ, TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG^(*):

Bổ sung 15 tỷ Lợi khuẩn Postbiotic[®] (L.Lactis Plasma), Sữa Non từ Mỹ hỗ trợ tăng cường hệ miễn dịch tự nhiên. Cùng Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin) hỗ trợ cân bằng hệ vi khuẩn đường ruột, giúp hệ tiêu hóa khỏe mạnh và ngăn ngừa táo bón.

HỖ TRỢ TĂNG CÂN KHỎE MẠNH^(*):

Vitamin nhóm B và Kẽm hỗ trợ tăng cường chuyển hóa năng lượng cùng Đạm hỗ trợ trẻ tăng cân khỏe mạnh, bắt kịp đà tăng trưởng. Bổ sung Lysin giúp trẻ ăn ngon miệng.



HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO^(*):

Đáp ứng 100% nhu cầu Canxi^(*) theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cùng Vitamin K2, D3 hỗ trợ hấp thu Canxi, giúp xương chắc khỏe và hỗ trợ phát triển chiều cao.


GIÚP PHÁT TRIỂN TRÍ NÃO, THỊ GIÁC^(*):

DHA hỗ trợ phát triển não bộ, tăng cường chức năng trí nhớ và khả năng tập trung của trẻ. Vitamin A hỗ trợ bảo vệ thị giác.


Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa. Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành, Cá. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn. (*) Lượng tế bào Lợi khuẩn Postbiotic tối thiểu trong 3 ly pha chuẩn. (1) Hàm lượng trung bình trong 2 ly pha chuẩn đáp ứng 100% nhu cầu khuyến nghị dinh dưỡng cho trẻ từ 2 – 3 tuổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Xuất xứ: Việt Nam. NSX và HSD: Xem trên bao bì.
Số TND/KSP: 49/2025/ĐKSP. Số CBSP: 70/NUTRICARE/2025
Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXG 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG MIỄN PHÍ: 1800.6071 (miễn phí) MIỄN PHÍ: 028.7300.9888 (www.nutricare.com.vn)



Tìm hiểu thêm về sản phẩm tại đây



8 936142 674699